

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140 /CMT-HĐQT  
V/v CBTT báo cáo tài chính năm 2015  
(đã kiểm toán)

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Trung
2. Mã chứng khoán: PCE
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A2, Cụm Công Nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
4. Điện thoại: 056.3848488 Fax: 056.3848588
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Mai Minh Phương, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
6. Nội dung thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được lập ngày 31/12/2015 (đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán) bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Nội dung giải trình (lỗ hoặc biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ 2014): Lợi nhuận trước thuế lũy kế năm 2015 giảm 31,3% so với lũy kế năm 2014 là do sản lượng Ure Phú Mỹ tiêu thụ giảm, giá bán giảm, chi phí tăng so với cùng kỳ năm 2014.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.pce.vn](http://www.pce.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- P.TCKT;
- P.TCHC (đăng tin website);
- Lưu: VT, Thư ký Cty (LT).

Đính kèm:

BCTC năm 2015 đã kiểm toán.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
THÀNH VIÊN HĐQT



Mai Minh Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26

110011  
CÔNG  
TÁCH NH  
DEL  
VIỆT  
NG ĐA  
00  
CỘ  
CỘ  
PHÁ  
À H  
DẶ  
MIẾ  
NH



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Cao Trung Kiên	Thành viên
Ông Mai Minh Phương	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luận	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc
Ông Mai Minh Phương	Phó Giám đốc
Ông Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Cao Trung Kiên  
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016



Số: 218 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016, từ trang 3 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

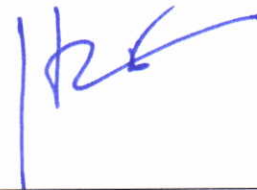
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 18 tháng 02 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**Vũ Mạnh Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2737-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>207.235.997.002</b>	<b>204.980.520.563</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>107.126.128.345</b>	<b>74.574.624.839</b>
1. Tiền	111		17.126.128.345	12.574.624.839
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.000.000.000	62.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>10.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.777.482.051</b>	<b>41.974.034.013</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.027.029.948	27.417.740.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.860.161.950	13.893.441.352
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.890.290.153	662.851.759
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>64.023.816.797</b>	<b>84.797.212.675</b>
1. Hàng tồn kho	141		68.401.778.525	85.078.588.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.377.961.728)	(281.375.937)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>308.569.809</b>	<b>3.634.649.036</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	308.569.809	68.458.592
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.566.190.444
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>57.373.382.811</b>	<b>62.385.822.540</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>121.560.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		121.560.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.727.990.754</b>	<b>56.176.778.917</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.040.433.768	34.464.746.462
- Nguyên giá	222		69.531.840.470	68.496.242.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.491.406.702)	(34.031.496.008)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21.687.556.986	21.712.032.455
- Nguyên giá	228		22.137.641.250	22.022.177.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(450.084.264)	(310.145.434)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>519.402.000</b>	<b>31.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		519.402.000	31.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.004.430.057</b>	<b>6.175.043.623</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	5.977.871.793	6.175.043.623
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.558.264	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>264.609.379.813</b>	<b>267.366.343.103</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>101.426.033.058</b>	<b>114.670.045.266</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.426.033.058</b>	<b>114.670.045.266</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	77.052.277.017	27.562.096.890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.866.646.260	9.125.566.327
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.419.166.972	3.756.010.782
4. Phải trả người lao động	314		3.563.408.102	3.211.564.162
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		120.719.383	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.972.316.840	10.492.202.737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	52.500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.431.498.484	8.022.604.368
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.183.346.755</b>	<b>152.696.297.837</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>163.183.346.755</b>	<b>152.696.297.837</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.626.337.308	22.228.444.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.557.009.447	30.467.853.124
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.467.853.124	22.573.129.237
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.089.156.323	7.894.723.887
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>264.609.379.813</b>	<b>267.366.343.103</b>



**Phan Thị Tuyết Minh**  
 Người lập biểu



**Lê Thanh Viên**  
 Kế toán trưởng



**Cao Trung Kiên**  
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

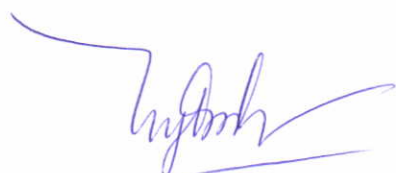


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.479.641.428.655	2.380.430.359.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	27.505.234.904	32.418.010.865
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	2.452.136.193.751	2.348.012.348.502
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	2.369.227.210.204	2.252.615.911.305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		82.908.983.547	95.396.437.197
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.427.444.857	3.290.331.997
7. Chi phí tài chính	22		224.347.222	253.876.379
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		224.347.222	253.875.000
8. Chi phí bán hàng	25	23	29.366.977.789	24.120.316.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	22.352.989.728	22.458.003.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		34.392.113.665	51.854.573.042
11. Thu nhập khác	31	24	1.554.773.114	622.330.089
12. Chi phí khác	32	24	47.834.565	265.110.289
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	1.506.938.549	357.219.800
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35.899.052.214	52.211.792.842
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	7.967.758.588	12.013.332.720
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(26.558.264)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		27.957.851.890	40.198.460.122
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.249	3.358



Phan Thị Tuyết Minh  
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 02 năm 2016



Lê Thanh Viên  
 Kế toán trưởng



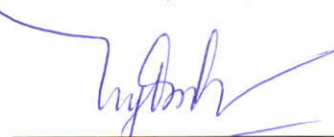
Cao Trung Kiên  
 Giám đốc

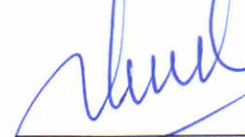
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>35.899.052.214</b>	<b>52.211.792.842</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.599.849.524	7.046.524.279
Các khoản dự phòng	03	4.096.585.791	(118.624.063)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	1.379
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.427.444.857)	(3.290.331.997)
Chi phí lãi vay	06	224.347.222	253.875.000
Tài sản tăng do khuyến mại mua hàng	07	(821.128.000)	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>42.571.261.894</b>	<b>56.103.237.440</b>
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	19.638.140.739	(33.861.482.583)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	16.676.810.087	(10.769.692.409)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	44.271.677.069	13.256.553.694
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(42.939.387)	182.010.238
Tiền lãi vay đã trả	14	(256.972.222)	(221.250.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.842.838.981)	(10.378.820.700)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	370.371.700	9.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.432.280.556)	(7.684.736.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>107.953.230.343</b>	<b>6.634.819.680</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(329.933.361)	(1.567.181.818)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.433.486.524	3.342.776.442
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.896.446.837)</b>	<b>1.775.594.624</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	52.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	35	(52.500.000.000)	(21.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.005.280.000)	(20.012.950.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(68.505.280.000)</b>	<b>11.487.050.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>32.551.503.506</b>	<b>19.897.464.304</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>74.574.624.839</b>	<b>54.677.161.914</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.379)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>107.126.128.345</b>	<b>74.574.624.839</b>

  
 Phan Thị Tuyết Minh  
 Người lập biểu

  
 Lê Thanh Viên  
 Kế toán trưởng

  
 Cao Trung Kiên  
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 58 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 58 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc hoạt động tại Đắc Lắc và Quảng Nam.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả, người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước (Tiếp theo)**

Công ty thuê 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.930.582	139.878.894
Tiền gửi ngân hàng	17.119.197.763	12.434.745.945
Các khoản tương đương tiền (*)	90.000.000.000	62.000.000.000
	<u>107.126.128.345</u>	<u>74.574.624.839</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0% đến 5,0%/năm.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Minh Tân	4.924.555.000	10.075.623.073
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.932.676.259	6.372.455.127
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	3.261.323.890	44.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Hiếu	-	7.267.500.000
Công ty TNHH Vinh Hoàng	-	2.582.113.310
Các khách hàng khác	1.908.474.799	1.076.049.392
	<u><b>14.027.029.948</b></u>	<u><b>27.417.740.902</b></u>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u><b>12.124.916.504</b></u>	<u><b>16.492.078.200</b></u>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.775.338.200	13.804.521.352
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	84.823.750	-
Các nhà cung cấp khác	-	88.920.000
	<u><b>6.860.161.950</b></u>	<u><b>13.893.441.352</b></u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u><b>6.860.161.950</b></u>	<u><b>13.804.521.352</b></u>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cục Thuế tỉnh Bình Định	3.392.111.904	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	872.416.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	293.597.222	299.638.889
Chi hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	170.000.000
Phải thu khác	332.165.027	193.212.870
	<u><b>4.890.290.153</b></u>	<u><b>662.851.759</b></u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<u><b>931.304.889</b></u>	<u><b>230.000.000</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	68.401.778.525	(4.377.961.728)	85.078.588.612	(281.375.937)
<b>Cộng</b>	<b>68.401.778.525</b>	<b>(4.377.961.728)</b>	<b>85.078.588.612</b>	<b>(281.375.937)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 4.377.961.728 đồng; đồng thời, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	60.758.946.457	454.718.500	5.247.669.335	2.034.908.178	68.496.242.470
Mua sắm mới	-	-	-	176.110.000	176.110.000
Tặng khác	-	-	731.360.000	128.128.000	859.488.000
Tại ngày 31/12/2015	60.758.946.457	454.718.500	5.979.029.335	2.339.146.178	69.531.840.470
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	30.024.562.929	396.976.016	1.902.120.370	1.707.836.693	34.031.496.008
Trích khấu hao trong năm	5.688.377.747	57.742.484	883.357.276	242.765.391	6.872.242.898
Giảm khác	412.332.204	-	-	-	412.332.204
Tại ngày 31/12/2015	35.300.608.472	454.718.500	2.785.477.646	1.950.602.084	40.491.406.702
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	<b>25.458.337.985</b>	<b>-</b>	<b>3.193.551.689</b>	<b>388.544.094</b>	<b>29.040.433.768</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>30.734.383.528</b>	<b>57.742.484</b>	<b>3.345.548.965</b>	<b>327.071.485</b>	<b>34.464.746.462</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.527.303.416 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.091.398.371 đồng).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	22.022.177.889	-	22.022.177.889
Mua sắm mới	-	115.463.361	115.463.361
Tại ngày 31/12/2015	22.022.177.889	115.463.361	22.137.641.250
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	310.145.434	-	310.145.434
Trích khấu hao trong năm	113.780.608	26.158.222	139.938.830
Tại ngày 31/12/2015	423.926.042	26.158.222	450.084.264
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2015	<b>21.598.251.847</b>	<b>89.305.139</b>	<b>21.687.556.986</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>21.712.032.455</b>	<b>-</b>	<b>21.712.032.455</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>308.569.809</b>	<b>68.458.592</b>
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	177.387.158	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	131.182.651	68.458.592
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.977.871.793</b>	<b>6.175.043.623</b>
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.487.464.285	5.640.247.513
Chi phí trả trước dài hạn khác	490.407.508	534.796.110
	<b><u>6.286.441.602</u></b>	<b><u>6.243.502.215</u></b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	72.874.189.017	24.512.226.211
Các nhà cung cấp khác	4.178.088.000	3.049.870.679
	<b><u>77.052.277.017</u></b>	<b><u>27.562.096.890</u></b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<b><u>73.689.091.405</u></b>	<b><u>25.707.479.976</u></b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Minh Tân	669.063.411	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh	199.834.936	808.127.370
Công ty TNHH Hồng Nhung	-	2.079.668.743
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	2.453.003	2.637.699.203
Các khách hàng khác	1.995.294.910	3.600.071.011
	<b><u>2.866.646.260</u></b>	<b><u>9.125.566.327</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<b><u>844.128.011</u></b>	<b><u>624.100.477</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm			31/12/2015 VND
	01/01/2015 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	11.183.987	481.433.241	23.513.381	469.103.847
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.306.076.897	7.967.758.588	7.842.838.981	3.430.996.504
Tiền thuế đất	-	49.200.000	49.200.000	-
Các loại thuế khác	438.749.898	2.281.465.096	2.201.148.373	519.066.621
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>438.749.898</i>	<i>2.260.152.203</i>	<i>2.179.835.480</i>	<i>519.066.621</i>
<i>Thuế khác</i>	<i>-</i>	<i>21.312.893</i>	<i>21.312.893</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.756.010.782</b>	<b>10.779.856.925</b>	<b>10.116.700.735</b>	<b>4.419.166.972</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	855.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	3.774.600	481.500
Quỹ thường an toàn	-	-
Cố tức phải trả	6.012.420.000	10.017.700.000
Lãi vay phải trả	-	32.625.000
Phải trả ngắn hạn khác	101.122.240	441.396.237
	<b>6.972.316.840</b>	<b>10.492.202.737</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)</b>	<b>5.355.000.000</b>	<b>8.290.000.000</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	100.000.000.000	9.064.298.037	7.134.377.658	22.922.237.050	139.120.912.745
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	40.198.460.122	40.198.460.122
Trích lập quỹ	-	4.019.846.012	2.009.923.006	(12.652.844.048)	(6.623.075.030)
Trả cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>13.084.144.049</b>	<b>9.144.300.664</b>	<b>30.467.853.124</b>	<b>152.696.297.837</b>
Tăng/(giảm) do áp dụng chính sách kế toán mới	-	9.144.300.664	(9.144.300.664)	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>22.228.444.713</b>	<b>-</b>	<b>30.467.853.124</b>	<b>152.696.297.837</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.957.851.890	27.957.851.890
Trích lập quỹ (1)	-	1.397.892.595	-	(6.868.695.567)	(5.470.802.972)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>23.626.337.308</b>	<b>-</b>	<b>39.557.009.447</b>	<b>163.183.346.755</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(1) Căn cứ vào Nghị quyết số 138/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 1.397.892.595 đồng và 5.470.802.972 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(2) Căn cứ vào Nghị quyết số 138/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 cho các cổ đông dự kiến là 12% mệnh giá cổ phần tương đương 12.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức với số tiền 6.000.000.000 đồng và tạm trích cổ tức đợt 2 với số tiền 6.000.000.000 đồng.

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2015</u>
	(%)	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000
	<u>100%</u>	<u>100.000.000.000</u>

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu phân bón	2.435.707.807.800	2.346.910.782.758
Doanh thu hóa chất	14.923.027.120	8.098.692.440
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.010.593.735	25.420.884.169
	<b>2.479.641.428.655</b>	<b>2.380.430.359.367</b>
Chiết khấu thương mại	27.405.994.904	32.398.963.246
Giảm giá hàng bán	99.240.000	19.047.619
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.452.136.193.751</b>	<b>2.348.012.348.502</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<b>969.055.923.124</b>	<b>834.716.227.885</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn phân bón	2.326.089.587.382	2.219.487.630.009
Giá vốn hóa chất	14.351.140.800	7.880.221.145
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.786.482.022	25.248.060.151
	<b>2.369.227.210.204</b>	<b>2.252.615.911.305</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	21.689.972.969	19.504.595.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.599.849.524	7.046.524.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.996.011.665	37.492.999.211
Chi phí khác bằng tiền	5.865.235.005	5.994.200.852
	<b>81.151.069.163</b>	<b>70.038.319.474</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	9.025.647.746	7.944.395.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.400.561.246	3.973.708.083
Các khoản chi phí bán hàng khác	15.940.768.797	12.202.212.138
	<b>29.366.977.789</b>	<b>24.120.316.030</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	12.664.325.223	11.560.199.323
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.688.664.505	10.897.804.420
	<b>22.352.989.728</b>	<b>22.458.003.743</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2015	2014
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	718.570.521	603.733.334
Tài sản được khuyến mại	827.102.593	-
Thu nhập khác	9.100.000	18.596.755
	<b>1.554.773.114</b>	<b>622.330.089</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	16.312.893	264.930.250
Chi phí khác	31.521.672	180.039
	<b>47.834.565</b>	<b>265.110.289</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.506.938.549</b>	<b>357.219.800</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>35.899.052.214</b>	<b>52.211.792.842</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	83.752.615	-
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>35.982.804.829</b>	<b>52.211.792.842</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.916.217.062</b>	<b>11.486.594.425</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	51.541.526	526.738.295
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.967.758.588</b>	<b>12.013.332.720</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>27.957.851.890</b>	<b>40.198.460.122</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	5.470.802.972	6.623.075.030
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>22.487.048.918</b>	<b>33.575.385.092</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.249</b>	<b>3.358</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152.783.228	152.783.228

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m<sup>2</sup> tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m<sup>2</sup>/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.126.128.345	74.574.624.839
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.038.880.101	28.083.592.661
<b>Tổng cộng</b>	<u>136.165.008.446</u>	<u>102.658.217.500</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	52.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	84.020.819.257	38.053.818.127
Chi phí phải trả	120.719.383	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>84.141.538.640</u>	<u>90.553.818.127</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.126.128.345	-	107.126.128.345
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.917.320.101	121.560.000	19.038.880.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.043.448.446</b>	<b>121.560.000</b>	<b>136.165.008.446</b>
<b>31/12/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	84.020.819.257	-	84.020.819.257
Chi phí phải trả	120.719.383	-	120.719.383
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.141.538.640</b>	<b>-</b>	<b>84.141.538.640</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>51.901.909.806</b>	<b>121.560.000</b>	<b>52.023.469.806</b>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.574.624.839	-	74.574.624.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.080.592.661	3.000.000	28.083.592.661
<b>Tổng cộng</b>	<b>102.655.217.500</b>	<b>3.000.000</b>	<b>102.658.217.500</b>
<b>31/12/2014</b>			
Các khoản vay	52.500.000.000	-	52.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	38.053.818.127	-	38.053.818.127
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.553.818.127</b>	<b>-</b>	<b>90.553.818.127</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.101.399.373</b>	<b>3.000.000</b>	<b>12.104.399.373</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Thành viên góp vốn





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>940.500.351.268</b>	<b>811.516.274.769</b>
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	47.300.015.400	43.870.493.670
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	31.229.090.000	48.472.656.447
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	14.923.027.120	3.220.489.600
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	-	1.089.709.529
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.770.000	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	779.040.448.748	714.862.925.523
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	68.000.000.000	-
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>28.555.571.856</b>	<b>23.199.953.116</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.434.998.227	1.879.123.761
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	18.748.611.683	20.915.042.680
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	198.911.553	88.899.149
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	222.661.155
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	10.521.800	11.270.600
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	5.100.000	26.138.219
Công ty TNHH MTV Minh Tân	157.428.593	56.817.552
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>2.230.037.605.618</b>	<b>2.140.030.731.688</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.501.656.073.672	1.648.366.556.181
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1.233.676.000	14.416.403.048
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	609.695.535.557	330.310.524.015
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	629.446.882	710.792.883
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	232.980.000	275.240.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	26.777.047.619
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	522.117.928	485.948.662
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	-	386.666.667
Công ty TNHH MTV Minh Tân	115.183.622.591	117.599.852.586
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	84.600.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	799.552.988	701.700.027
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.000.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>12.124.916.504</b>	<b>16.492.078.200</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.932.676.259	6.372.455.127
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.261.323.890	44.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.361.355	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	4.924.555.000	10.075.623.073
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>6.860.161.950</b>	<b>13.804.521.352</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.775.338.200	13.804.521.352
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	84.823.750	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>931.304.889</b>	<b>230.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	872.416.000	170.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	58.888.889	60.000.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>73.689.091.405</b>	<b>25.707.479.976</b>
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	73.374.670	35.747.605
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	1.017.765.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	687.273.829	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	37.400.000
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	54.253.889	104.341.160
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	72.874.189.017	24.512.226.211
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>844.128.011</b>	<b>624.100.477</b>
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	54.600.000	305.981.977
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	120.464.600	318.118.500
Công ty TNHH MTV Minh Tân	669.063.411	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>5.355.000.000</b>	<b>8.290.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.355.000.000	7.500.000.000
- <i>Cố tức</i>	4.500.000.000	7.500.000.000
- <i>Ứng trước thực hiện chương trình Tết vì người nghèo</i>	855.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	-	490.000.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	300.000.000
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:</b>		
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	5.378.061.808	4.798.042.827



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi		
Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>						
<b>I. Tài sản</b>			<b>I. Tài sản</b>			
1. Các khoản phải thu khác	135	662.735.150	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	662.851.759	Trình bày lại và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	116.609	2. Tài sản ngắn hạn khác	158	-	
3. Phải thu dài hạn khác	218	-	- 3. Phải thu dài hạn khác	216	3.000.000	Trình bày lại và đổi mã số
4. Tài sản dài hạn khác	268	3.000.000	4. Tài sản dài hạn khác	268	-	
<b>II. Nguồn vốn</b>			<b>II. Nguồn vốn</b>			
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	13.804.144.049	1. Quỹ đầu tư phát triển	418	22.948.444.713	Trình bày lại và đổi mã số
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	9.144.300.664				Không có chỉ tiêu tương ứng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 4.020 3.358 Thay đổi phương pháp tính



**Phan Thị Tuyết Minh**  
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 02 năm 2016



**Lê Thanh Viên**  
 Kế toán trưởng



**Cao Trung Kiên**  
 Giám đốc

